

Số: **39** /TB-ĐHK-T-SĐH

Hà Nội, ngày **21** tháng **1** năm 2022

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022
tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ (Quy chế 23).

Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-ĐHK-T-SĐH ngày 18/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về việc Ban hành quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội thông báo Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022 như sau:

1. Các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ:

TT	Chuyên ngành	Mã số	Hình thức - Thời gian đào tạo
1	Kiến trúc	8.58.01.01	Chính quy – một năm rưỡi
2	Quy hoạch vùng và đô thị	8.58.01.05	Chính quy – một năm rưỡi
3	Quản lý đô thị và công trình	8.58.01.06	Chính quy – một năm rưỡi
4	Kỹ thuật xây dựng	8.58.02.01	Chính quy – một năm rưỡi
5	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	8.58.02.10	Chính quy – một năm rưỡi

2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển:

Đối tượng dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được các điều kiện sau:

2.1. Về văn bằng và chứng chỉ ngoại ngữ như yêu cầu tại Mục 5, Mục 6.

2.2. Về thâm niên công tác:

- Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

- Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học đạt loại trung bình khá trở lên được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp; đạt loại trung bình phải sau một năm công tác (kể từ ngày cấp bằng) mới được dự tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

2.3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

2.4. Có đủ sức khoẻ để học tập.

2.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại Mục 8, Mục 11.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh: dự kiến **300** chỉ tiêu các chuyên ngành (chỉ tiêu chính thức sẽ thông báo theo phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

4. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

5. Yêu cầu về văn bằng đối với người dự tuyển:

5.1. Ứng viên đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành/chuyên ngành phù hợp.

5.2. Có bằng tốt nghiệp đại học đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành dự tuyển không phải học bổ sung kiến thức:

TT	Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Mã số	Bằng và chuyên ngành đại học
1	Kiến trúc	8.58.01.01	- Kiến trúc sư
2	Quy hoạch vùng và đô thị	8.58.01.05	- Kiến trúc sư
3	Quản lý đô thị và công trình	8.58.01.06	- Kỹ sư Quản lý đô thị - Kiến trúc sư và Kỹ sư các chuyên ngành đào tạo tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
4	Kỹ thuật xây dựng	8.58.02.01	- Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp
5	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	8.58.02.10	- Kỹ sư Cấp thoát nước - Kỹ sư Kỹ thuật hạ tầng đô thị - Kỹ sư Kỹ thuật môi trường đô thị

Các trường hợp khác có bằng đại học tương đương sẽ được kiểm tra hồ sơ khi đăng ký dự tuyển.

5.3. Bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành gần với chuyên ngành dự tuyển hoặc khác ngành đối với ngành Quản lý đô thị & công trình phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển và phải có 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản lý đô thị và công trình.

5.3.1. Chuyên ngành dự tuyển: Quy hoạch vùng và đô thị - Mã số 8.58.01.05

Bằng và chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Kỹ sư Quy hoạch và quản lý giao thông vận tải	1- Xã hội học	2
* Kỹ sư Cấp thoát nước	2- Lý thuyết thiết kế đô thị	2
* Kỹ sư Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	3- Lý thuyết quy hoạch đô thị	2
...		

5.3.2. Chuyên ngành dự tuyển: Quản lý đô thị và công trình - Mã số 8.58.01.06

a) Nhóm 1:

Bằng và chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Kiến trúc sư hoặc Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp (đào tạo ngoài Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)	1- Pháp luật xây dựng	1
...	2- Quản lý đô thị	2

b) Nhóm 2:

Bằng và chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Kỹ sư Xây dựng cầu đường	1- Pháp luật xây dựng	1
* Kỹ sư Cấp thoát nước, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (đào tạo ngoài ĐH Kiến trúc Hà Nội)	2- Quản lý đô thị	2
* Kỹ sư Xây dựng cảng đường thủy	3- Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị	2

* Kỹ sư Xây dựng cầu đường bộ * Kỹ sư QH & quản lý giao thông vận tải * Kỹ sư Công trình thủy lợi * Kỹ sư Xây dựng công trình trên sông * Kỹ sư tin học xây dựng * Kỹ sư Kinh tế xây dựng * Kỹ sư Công trình thủy điện ...	4- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật 1	2
---	--------------------------------	---

c) Nhóm 3:

Bảng và chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Kỹ sư Thủy nông cải tạo đất	1- Pháp luật xây dựng	1
* Kỹ sư Kinh tế Thủy lợi	2- Quản lý đô thị	2
* Kỹ sư Kinh tế vận tải	3- Quy hoạch XD phát triển đô thị	2
* Kỹ sư Lâm nghiệp đô thị	4- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật 1	2
...	5- Thiết kế kiến trúc	2
	6- Kinh tế đô thị	2

5.3.3. Chuyên ngành dự tuyển: Kỹ thuật xây dựng - Mã số 8.58.02.01

Bảng và chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Kỹ sư Công trình ngầm (đào tạo tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)	1- Kết cấu BTCT phần 2	2
* Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng (đào tạo ngoài Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội).	2- Kết cấu thép phần 2	2
...	3- Kỹ thuật thi công phần 2	2

5.3.4. Chuyên ngành dự tuyển: Kỹ thuật cơ sở hạ tầng - Mã số 8.58.02.10

Bảng và chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Kỹ sư Xây dựng cầu đường	1- Quy hoạch giao thông đô thị	2
* Kỹ sư Xây dựng cảng đường thủy	2- Chuẩn bị kỹ thuật khu đất XD	2
* Kỹ sư Công trình thủy lợi	3- Thoát nước đô thị	2
...		

Tất cả các trường hợp có văn bằng tốt nghiệp đại học có chuyên ngành như đã thống kê tại Mục 5.3 và các trường hợp khác không thống kê ở trên sẽ được kiểm tra hồ sơ khi đăng ký dự tuyển.

5.4. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

6. Yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đối với người dự tuyển:

6.1. Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

6.2. Ứng viên đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 6.1 nêu trên khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục kèm theo thông báo này (Phụ lục của Quy chế 23) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận. Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội sẽ xác định tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ trước khi công nhận tương đương theo Phụ lục kèm theo Thông báo tuyển sinh này.

7. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

7.1. Đối tượng ưu tiên:

- a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, ứng viên phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- c) Con liệt sĩ;
- d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a tại Mục này;
- e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

7.2. Mức ưu tiên:

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Mục 7.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả 10 điểm cho Bài luận chuyên ngành (thang điểm 100).

8. Hồ sơ dự tuyển:

8.1. Hồ sơ dự tuyển gồm:

- Đơn xin dự tuyển (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Cơ quan hoặc chính quyền địa phương (đối với ứng viên tự do);
- Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm (có công chứng), các chứng chỉ chuyển đổi kiến thức (nếu ứng viên học liên thông từ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp thì phải có bằng và bảng điểm Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp; nếu dự tuyển theo văn bằng 2 thì phải có bằng và bảng điểm của văn bằng 1); các chứng chỉ bổ sung kiến thức chuyên ngành (nếu có);
- Giấy công nhận văn bằng nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có);
- Bản sao có công chứng bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn theo quy định.
- Giấy chứng nhận đủ sức khoẻ (của bệnh viện đa khoa trong vòng 6 tháng);
- Bản sao có công chứng giấy tờ để minh chứng về đối tượng ưu tiên (nếu có);

- Giấy xác nhận thâm niên công tác cho đối tượng khác ngành của chuyên ngành dự tuyển Quản lý đô thị và công trình;
- 02 ảnh cỡ 4 x 6 (cm) chụp kiểu căn cước công dân (chứng minh thư) và 03 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ của ứng viên;
- 01 Bài luận chuyên ngành và 02 bản sao có chữ ký, họ và tên của ứng viên dự tuyển;
- 03 bộ bản sao Công trình khoa học (nếu có);

8.2. Bài luận chuyên ngành và Công trình khoa học:

a) Bài luận chuyên ngành của người dự tuyển có nội dung liên quan đến chuyên ngành đăng ký dự tuyển trình độ Thạc sĩ có khối lượng không quá 2000 từ, trong đó thể hiện được các nội dung cơ bản sau:

- Mong muốn được theo học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường theo chuyên ngành đăng ký dự tuyển;
- Có hiểu biết về chuyên ngành đăng ký dự tuyển (chuyên ngành đúng, chuyên ngành gần, chuyên ngành phù hợp, sự tham gia các công việc thực tiễn có liên quan đến chuyên ngành đăng ký dự tuyển);
- Sự cần thiết và phù hợp của nội dung bài luận với chuyên ngành đăng ký dự tuyển;
- Các tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài luận chuyên ngành;
- Các đề xuất (nếu có);
- Quy cách trình bày phù hợp.

b) Công trình khoa học của người dự tuyển gồm: các bài báo khoa học đã được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành ở trong và ngoài nước; các tài liệu xác nhận tham gia đề tài nghiên cứu khoa học các cấp đã được nghiệm thu đạt yêu cầu; các tài liệu xác nhận về các phát minh, sáng chế, công bố khoa học trong và ngoài nước....

Các Công trình khoa học liên quan khác (nếu có) của người dự tuyển là các giải thưởng cấp Quốc gia, Tỉnh, Thành phố; giải thưởng nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Quốc gia, Tỉnh, Thành phố, Trường đại học.

9. Giá dịch vụ tuyển sinh và đào tạo:

Giá dịch vụ tuyển sinh và giá dịch vụ đào tạo theo quy định hiện hành hoặc theo mức phí đảm bảo tính đủ chi phí.

10. Thời gian phát hành hồ sơ và học bổ sung kiến thức:

- Thời gian phát hành hồ sơ: từ ngày 14/02/2022 - 25/03/2022 tại Văn phòng Khoa Sau đại học, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

- Thời gian đăng ký học bổ sung kiến thức: từ ngày 14/02/2022 - 05/3/2022 tại Văn phòng Khoa Sau đại học, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

(Nộp bản sao bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm có công chứng khi đăng ký)

- Thời gian học bổ sung kiến thức: từ ngày 07/3/2022 - 29/4/2022 tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

(Thông báo tại Văn phòng Khoa Sau đại học và trên Website Trường)

11. Thời gian nộp hồ sơ:

- Thời gian nộp hồ sơ: Các ngày làm việc trong tuần, từ ngày 04/4/2022 - 13/5/2022

- Địa điểm: Văn phòng Khoa Sau đại học, U304, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

12. Thời gian xét tuyển, công bố kết quả, khai giảng:

- Thời gian phỏng vấn xét tuyển: dự kiến từ ngày **23 - 28/5/2022**

- Địa điểm xét tuyển: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: tháng 6/2022
- Thời gian nhập học: tháng 6 - 7/2022
- Thời gian khai giảng: dự kiến tháng 8/2022

13. Liên hệ:

Để biết thêm thông tin xin liên hệ :

- Văn phòng Khoa Sau đại học, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
- Điện thoại: 024 38 542 051
- Website: www.hau.edu.vn
- Email: khoasaudaihoc@hau.edu.vn

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Các đối tượng có nhu cầu dự tuyển;
- Các phương tiện thông tin đại chúng;
- Website Trường.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Quân

Phụ lục

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương **Bậc 3** và **Bậc 4** Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

(Theo Phụ lục của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2



Phụ